

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2021/DS-PT
Ngày: 21 – 10 – 2021
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt
Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu
xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2021/TLPT-DS ngày 23
tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng
đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2021/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm
2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 85/2021/QĐ-PT
ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1971; nơi cư trú: Ấp M, xã N,
huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Bình Đ**, sinh năm 1976

Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1984

Cùng cư trú tại: Ấp Q, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm
1978 (vợ ông Lê Văn T); nơi cư trú: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có
mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn T, là nguyên đơn.
- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2019 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Văn T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: Vào ngày 09/9/2019 (al), ông Nguyễn Bình Đ có chuyển nhượng cho ông Lê Văn T phần đất vuông tằm có diện tích 18 công 2 góc 3, với giá 40.000.000đồng/công, tính thành tiền là 740.000.000đồng; thỏa thuận trả làm hai lần, lần 1 trả trước 300.000.000đồng và lần 2 trả 440.000.000đồng vào ngày 30/11/2019 (al), khi ông Đ cắt lúa xong sẽ giao đất và làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ông T. Do ông Đ đang thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay tại Ngân hàng KL số tiền 200.000.000đồng, nên ông Đ hứa khi nào ông T trả xong số tiền 440.000.000đồng thì ông Đ sẽ tách chuyển quyền sử dụng đất cho ông T. Sau khi thỏa thuận, ông T tiến hành viết giấy chuyển nhượng đất, ông Đ xem xong và đồng ý ký tên có sự chứng kiến của ông Huỳnh Văn Đ. Cùng ngày, tại nhà cha mẹ vợ của ông Đ (tại Ấp Q, xã N) ông T giao tiền cho ông Đ, khi giao số tiền 300.000.000đồng thì ông T có viết tờ giấy “*Em có mượn chị Tám 300.000 triệu*” đưa cho ông Đ ký tên. Nay, ông T yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 09/9/2019 (al), buộc vợ chồng ông Đ, bà T1 giao trả số tiền đã nhận 300.000.000đồng và bồi thường thiệt hại tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 09/9/2019 (al) đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Bình Đ và bà Huỳnh Thị T trình bày: Từ trước đến nay ông, bà không có chuyển nhượng phần đất nào cho ông Lê Văn T như ông T trình bày; không có nhận của ông T số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng; chữ ký trong Giấy sang đất ghi ngày 09/9/2019 không phải là chữ ký của ông Đ. Nay, ông Đ và bà T1 không đồng ý theo yêu cầu của ông T.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2021/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi ngày 09/9/2019 âm lịch, yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà T1 trả lại số tiền đặt cọc 300.000.000đồng, yêu cầu bồi thường thiệt hại tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 09/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tuyên bố các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Giấy sang đất) ghi ngày 09/9/2019 âm lịch giữa ông T với ông Đ; giữa ông T với ông Đ, bà T1 là vô hiệu.

2. Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu của ông Lê Văn T đòi ông Nguyễn Bình Đ, bà Huỳnh Thị T bồi thường thiệt hại tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 09/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T đòi ông Đ, bà T1 trả lại số tiền đặt cọc là 300.000.000đồng. Trong trường hợp, ông T, bà T nếu có đủ tài liệu, chứng cứ thì có quyền yêu cầu khởi kiện đòi ông Đ bằng vụ án dân sự khác về việc đòi tiền cho mượn.

4. Về chi phí giám định chữ ký của ông Đ, ông T đã tạm ứng số tiền 8.000.000đồng, đã chi phí hết số tiền 3.765.000đồng nên ông T được hoàn lại số tiền 4.235.000đồng

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Văn T phải chịu số tiền 300.000đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/5/2021, nguyên đơn ông Lê Văn T kháng cáo yêu cầu ông Nguyễn Bình Đ trả ông T số tiền 300.000.000đ.

Ngày 04/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 20/2021/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu, với lý do: *Thứ nhất*, cấp sơ thẩm tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và ông Đ nhưng không giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T đòi ông Đ trả lại số tiền chuyển nhượng 300.000.000 đồng là không có căn cứ, làm ảnh hưởng quyền lợi của ông T và bà T. *Thứ hai*, cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn chịu toàn bộ chi phí giám định chữ ký của bị đơn là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự. *Thứ ba*, cấp sơ thẩm buộc ông Lê Văn T chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị quyết 326 năm 2016, làm ảnh hưởng quyền lợi của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành tổng đạt Giấy triệu tập lần thứ hai cho ông Nguyễn Bình Đ và bà Huỳnh Thị T nhưng ông bà không có mặt ở địa phương, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết theo đúng quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ và bà T1. Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Lê Văn T, chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu; Sửa Bản án sơ thẩm số: 20/2021/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Lê Văn T gửi đến Tòa án vào ngày 26/5/2021 và Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 04/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu còn trong hạn luật định và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2] Sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Bình Đ, bà Huỳnh Thị T tại phiên tòa hôm nay: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Đ và bà T1 không có mặt ở địa phương, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết theo đúng quy định pháp luật, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Bình Đ, bà Huỳnh Thị T.

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông Lê Văn T yêu cầu ông Nguyễn Bình Đ trả số tiền chuyển nhượng 300.000.000 đồng và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu cho rằng cấp sơ thẩm tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và ông Đ nhưng không giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T đòi ông Đ trả lại số tiền chuyển nhượng 300.000.000 đồng là không có căn cứ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T thấy rằng:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông T yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (02 giấy sang đất nghị ngày 09/9/2019). Xét thấy, việc giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T với ông Đ không lập thành hợp đồng theo mẫu quy định, sau khi các bên thỏa thuận chuyển nhượng cũng không tiến hành giao nhận đất, không thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Như vậy, giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên vi phạm về hình thức và vi phạm về nội dung hợp đồng theo quy định tại các Điều 500, 501, 502 và 503 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 117, 122 của Bộ luật dân sự năm 2015 tuyên bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T với ông Đ vô hiệu như cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Theo Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *Khi giao dịch dân sự vô hiệu các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường.* Trong vụ án này, ông Đ chưa giao đất cho ông T, nên không buộc ông T giao trả đất. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự và điểm c tiểu mục 2.3 mục 2 Phần II của Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao phải giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Do các đương sự chưa thực hiện xong giao dịch chuyển nhượng, ông T chưa đưa đủ số tiền chuyển nhượng, ông Đ cũng chưa giao đất cho ông T

nên thiệt hại xảy ra không lớn. Mặt khác, căn cứ Biên bản lấy lời khai ông T ngày 09/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu (BL 251, 252) và tại phiên tòa hôm nay, sau khi nghe Tòa án giải thích về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu thì ông T vẫn không yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu, lý do ông T cho rằng hiện nay vợ chồng ông Đ rất khó khăn, phải đi làm thuê, nên ông không yêu cầu giải quyết bồi thường thiệt hại. Tại mục 2 phần III Giải đáp nghiệp vụ số 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân tối cao có hướng dẫn: “...*Trường hợp Tòa án đã giải thích nhưng đương sự vẫn không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu thì Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu mà không phải giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu...*”. Do đó, cấp phúc thẩm không giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu bồi thường thiệt hại trên ý chí tự nguyện của ông T nên không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T.

[3.2] Ông T trình bày giao dịch chuyển nhượng đất giữa ông với ông Đ có giá trị chuyển nhượng là 740.000.000đồng, ông T đưa trước cho ông Đ số tiền 300.000.000đồng. Lời khai của ông T phù hợp với Giấy sang đất ghi ngày 09/9/2019 (BL 96) và Giấy nhận tiền có nội dung “Em có mượn chị Tám 300.000 triệu” (BL 95). Cụ thể:

Tại Giấy sang đất ghi ngày 09/9/2019 (BL 96) có nội dung: “...*diện tích đất ở Kênh Cây Gòn là 18 công 2 góc 3 số tiền là 740.000.000 (Bảy trăm bốn mươi triệu đồng). Ngày mùng 9 tháng 9 năm 2019 đưa bạc cột trước số tiền là 300.000.000 (ba trăm triệu) còn lại đến ngày 30 tháng 11 năm 2019 em Nguyễn Bình Đ chuyển nhượng bằng khoán đỏ và sang tên cho anh Lê Văn T đưa đủ số tiền còn lại là 440.000.000 (bốn trăm bốn mươi triệu đồng) cho em Nguyễn Bình Đ...*”

Tại tờ nhận tiền (BL 95) có nội dung “*Em mượn chị Tám 300.000 triệu*”

[3.3] Cả hai chứng cứ trên bị đơn ông Đ không thừa nhận. Ông T yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết định trưng cầu giám định. Tại Kết luận giám định số 80/GĐ-2020 ngày 27/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận “*chữ ký mang tên Nguyễn Bình Đ trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký của Nguyễn Bình Đ trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người ký ra*” (BL 118, 119). Như vậy, cả hai tài liệu trên chữ ký mang tên Nguyễn Bình Đ đều do ông Nguyễn Bình Đ ký. Mặt khác, ông T và ông Đ đều xác định từ trước đến nay không có giao dịch vay mượn tiền của nhau. Tại phiên tòa hôm nay, ông T cũng xác định số tiền 300.000.000đồng là tiền chuyển nhượng đất ông trả trước cho ông Đ. Do đó, có cơ sở xác định Giấy nhận tiền có nội dung “*Em mượn chị Tám 300.000 triệu*” là tiền ông T trả trước cho ông Đ trong việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và ông Đ. Nên buộc ông Đ có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền chuyển nhượng đất là 300.000.000đồng như Kháng nghị của Viện kiểm sát nêu và kháng cáo của ông T là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu cho rằng cấp sơ thẩm buộc ông T chịu toàn bộ chi phí giám định là không đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự; buộc ông T chịu án phí sơ thẩm số tiền 300.000đồng là không đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 thấy rằng:

[4.1] Ông T khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Đ và cung cấp tài liệu chứng cứ là Giấy sang đất và Giấy nhận tiền. Do ông Đ không đồng ý và không thừa nhận các chứng cứ do ông T cung cấp nên ông T yêu cầu Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hợp pháp, kết quả giám định đúng theo trình bày của ông T và được Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Do đó, có cơ sở chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát. Căn cứ khoản 4 Điều 161 và khoản 1 Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự ông T không phải chịu chi phí giám định, ông T đã nộp chi phí giám định số tiền 3.765.000đồng nên ông Đ phải hoàn trả lại số tiền 3.765.000đồng cho ông T.

[4.2] Ông T khởi kiện và được Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như kháng nghị của Viện kiểm sát nêu là có căn cứ chấp nhận. Trong vụ án này, ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000đ.

[5] về án phí dân sự phúc thẩm: Ông T không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn T, chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu;

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng: Điều 117, 122, 131, 500, 501, 502, 503 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 35, khoản 4 Điều 161, khoản 1 Điều 162, 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T. Tuyên bố các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Giấy sang đất) ngày 09/9/2019 giữa ông Lê Văn T với ông Nguyễn Bình Đ; giữa ông Lê Văn T với ông Nguyễn Bình Đ và bà Huỳnh Thị T vô hiệu.

2. Buộc ông Nguyễn Bình Đ có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn T số tiền chuyển nhượng 300.000.000đồng (Ba trăm triệu).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu của ông Lê Văn T đòi ông Nguyễn Bình Đ và bà Huỳnh Thị T bồi thường thiệt hại tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 09/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

4. Về chi phí giám định: Ông Lê Văn T không phải chịu chi phí giám định, ông T đã nộp chi phí giám định số tiền 3.765.000đồng nên ông Nguyễn Bình Đ phải hoàn trả lại số tiền 3.765.000đồng cho ông T.

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đồng theo biên lai thu số 0004598 ngày 16/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu sẽ được hoàn lại đủ. Ông Nguyễn Bình Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000đồng theo biên lai thu số 0004789 ngày 07/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu sẽ được hoàn lại đủ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Huỳnh Thị Kiều Anh